TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-PT
Ngày 28/02/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số: 30/2018/DSST, ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2019/QĐ-PT ngày 25/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh P: Bà Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 216, đường Nguyễn Cao, khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1968 (có mặt).

Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số 73, Ngọc Hân Công Chúa, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Lê Văn P và người đại diện theo ủy quyền của anh P trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên anh P có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Đình L vay số tiền 14.500.000.000đ, mục đích để làm vốn kinh doanh, cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 22/5/2018, vợ chồng bà T, ông L vay số tiền 5.000.000.000đ; Ngày 11/7/2018, vợ chồng bà T, ông L vay số tiền 4.500.000.000đ và ngày 24/7/2018, vợ chồng bà T, ông L vay tiếp số tiền 5.000.000.000đ. Tổng cộng bà T, ông L vay của anh P số tiền là 14.500.000.000đ. Tất cả các lần vay trên ông L, bà T đều viết giấy vay nợ và ký xác nhận khoản vay. Theo nội dung giấy vay nợ thì hai bên còn thỏa thuận lãi suất. Ngoài ra anh P và vợ chồng bà T, ông L còn thỏa thuận thời gian trả nợ là 15 ngày. Tuy nhiên, khi đã hết thời hạn trả nợ thì bà T, ông L không trả được cho anh P tiền gốc và tiền lãi. Anh P đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng bà T, ông L không trả nên anh khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà T, ông L trả cho anh số tiền gốc là 14.500.000.000đ, anh không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Đình L trình bày: Ông, bà thừa nhận có vay của anh P số tiền 14.500.000.000đ. Vợ chồng ông, bà đã trả cho anh P được một phần lãi, số tiền lãi này do vợ chồng bà tự nguyện trả nên ông, bà không có thắc mắc gì. Hiện nay do ông, bà đang là người bị hại trong vụ án bị người khác lừa tiền ở Bắc Giang nên ông bà chưa có tiền để trả cho anh P. Ông, bà đề nghị anh P tạo điều kiện để khi nào vợ chồng ông, bà đòi được tiền sẽ hoàn trả anh P.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 280; 463; 466 Bộ luật Dân sự; Điều 35; 39; 146; 147; 227; 228; 244; 266; 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Đình L có nghĩa vụ phải trả anh Lê Văn P số tiền gốc là 14.500.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2018, bà Nguyễn Thị Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 22/5/2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Đình L có vay của anh Lê Văn P số tiền 5.000.000.000đ; Ngày 11/7/2018, vợ chồng bà T, ông L vay anh P số tiền 4.500.000.000đ và ngày 24/7/2018, vợ chồng bà T, ông L vay anh P số tiền 5.000.000.000đ. Những lần vay này giữa anh P với vợ chồng bà T, ông L đều viết giấy vay tiền. Tại giấy vay tiền ngày 22/5/2018 hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2,2%/tháng; Giấy vay tiền ngày 11/7/2018 có thỏa thuận về thời hạn trả nợ là 15 ngày kể từ ngày vay. Như vậy, bà T, ông L vay anh P số tiền 14.500.000.000đ có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản vợ chồng bà T, ông L trả được một phần tiền lãi, sau đó đến thời hạn trả nợ anh P đã đòi nhiều lần nhưng bà T, ông L không trả anh P khoản vay trên với lý do là vợ chồng bà đang là người bị hại trong vụ án lừa đảo tại tỉnh Bắc Giang nên không còn tiền để trả cho anh P và xin khất đến khi nào lấy được tiền thì trả cho anh P. Như vậy, bà T và ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Đình L phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn P số tiền vay 14.500.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T cho rằng Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh không tuân thủ yêu cầu thay đổi Thẩm phán, Hội đồng xét xử thấy ngày 08/11/2018 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh nhận được đơn yêu cầu thay đổi Thẩm phán của bà Nguyễn Thị Minh T. Ngày 12/11/2018, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh có quyết định số 05/2018/QĐ-TA không chấp nhận yêu

cầu thay đổi Thẩm phán của bà Nguyễn Thị Minh T. Do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh T là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã vi phạm nghiêm trọng các quy định về tố tụng trong việc thụ lý, xét xử vụ án; có sự câu kết giữa Thẩm phán và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà đề nghị Tòa án tạm đình chỉ vụ án lý do chồng bà là ông L ốm, tuy nhiên bà T không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Về nội dung kháng cáo này, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đã nhận định về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán ở cấp sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh T.

Về tố tụng: Trong vụ án này bản án sơ thẩm không áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có thiếu sót và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 15/10/2018 đến ngày 29/10/2018 đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử mới được 14 ngày là chưa đủ thời hạn để bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên cấp sơ thẩm đã lập biên bản làm việc với bà T, ông L về việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như ý kiến về yêu cầu khởi kiện. Xét thấy thiếu sót trên của cấp sơ thẩm là chưa đến mức nghiêm trọng và không làm thay đổi nội dung cũng như đường lối giải quyết vụ án. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 280, 357, 463; 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 35, 39, 146, 147, 227, 228, 244, 264, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Đình L có nghĩa vụ phải trả anh Lê Văn P số tiền 14.500.000.000đ (Mười bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Đình L phải chịu 122.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ án

phí dân sự phúc thẩm (Xác nhận bà T đã nộp 300.000đ án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001538, ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Hoàn trả anh Lê Văn P 61.443.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005073 ngày 15/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Kể từ khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-TAND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tính